

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/8/2022

V/V: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung
và yêu cầu chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Chính Nghĩa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Bé

2. Bà Hoàng Thị Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện V

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:

Bà: Trương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên

Trong các ngày 05, 08, 09 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1979; ĐKKHKT: Khu C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Ở: Khu B, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị T, Sinh năm 1985; ĐKKHKT: Khu C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Ở: Thôn A, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt không lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện V; Địa chỉ: Số 251, tổ a, khu H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N – Chức vụ: Phó trưởng phòng tổng hợp của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện V – Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T – Chức vụ: Trưởng phòng tổng hợp của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện V – Vắng mặt không lý do.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1939; Địa chỉ: Số nhà 02, tổ C , khu D, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt.

- Chị Trần Thị Thu N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số nhà 301, tổ C, khu E, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt.

- Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1968; Địa chỉ: số nhà 283, khu C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt.

- Chị Phạm Thị P; Địa chỉ: Số nhà 283, khu H, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại hồ sơ vụ án, Nguyên đơn – Anh Trần Văn T đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đặng Thị T vào năm 2008 có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi lẫn nhau. Anh và chị T đã nhiều lần sống ly thân để cả hai cùng nhìn nhận lại với mong muốn hòa hợp, xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không còn khả năng quay lại. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị T

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Trần Thiên V, sinh ngày 07/4/2009, hiện tại đang ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, anh Trần Văn T không yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi chị Đặng Thị T có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung thì anh T thừa nhận có các tài sản chung và công nợ như sau: Anh thừa nhận có 01 xe ô tô biển kiểm soát 14A-396.10 nhãn hiệu Toyota hiện tại anh đang quản lý. Anh T đánh giá trị giá xe là 380.000.000 đồng. Anh không thừa nhận công sức xây dựng ngôi nhà tại khu C, thị trấn C trị giá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); Khoản vay nợ Ngân hàng Vietinbank là 392.000.000 đồng từ ngày 22/7/2019

được thế chấp bằng chiếc xe ô tô Toyota, đến tháng 11/2022 còn nợ lại Ngân hàng là 208.000.000 đồng. Anh thừa nhận vợ chồng anh còn nợ của vợ chồng anh Nguyễn Mạnh C, chị Phạm Thị P số tiền là 100.000.000 đồng; Phần nợ của anh với chị Trần Thị Thu N còn lại là 90.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh đã trả phần của anh cho anh C, chị Phấn số tiền 50.000.000 đồng, trả cho chị Trần Thị Thu N số tiền 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, do không có mặt chị Đặng Thị T nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung với chị T. Anh đồng ý giải quyết tài sản bằng vụ án khác khi chị T trở về.

* Bị đơn – Chị Đặng Thị T có đơn yêu cầu phản tố và có các lời khai tại Tòa án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T không đồng ý ly hôn với anh Trần Văn T vì con chị còn nhỏ. Chị cho rằng mâu thuẫn giữa chị và anh T chưa đến mức độ phải ly hôn. Việc anh T làm đơn xin ly hôn là do công việc của chị thường xuyên phải xa nhà nên anh T bất mãn. Chị cũng nghe xì xào bàn tán về việc anh T có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác.

- Về con chung: Trong quá trình chị T có mặt giải quyết yêu cầu ly hôn tại tòa án, chị Đặng Thị T thừa nhận có 01 con chung là Trần Thiên V, sinh ngày 07/4/2009. Chị không đồng ý cho anh T nuôi con vì cho rằng anh T không có khả năng chăm sóc con chung. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ: Trong đơn yêu cầu phản tố và các lời khai tại Tòa án, chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh T có các tài sản chung và các khoản nợ chung gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, BKS 14A-396.10 mang tên anh Trần Văn T. Chị đánh giá giá trị chiếc xe là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); Vợ chồng có công sức xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên mảnh đất của mẹ chồng chị là bà Phạm Thị H tại khu C, thị trấn C trên diện tích 50m². Trị giá xây dựng là 100.000.000 đồng. Nhà được xây tháng 6 năm 2009. Đến năm 2016, mẹ chồng chị đổi nhà cho con gái Trần Thị Thu N. Đến tháng 4/2021, chị N phá đi xây nhà mới; Về các khoản nợ chung: Vợ chồng có vay nợ tại Ngân hàng Vietinbank khoản tiền 392.000.000 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu đồng). Đến tháng 11/2021 còn nợ lại 208.900.000 đồng (hai trăm linh tám triệu chín trăm nghìn đồng); Vợ chồng chị còn nợ của vợ chồng anh Nguyễn Mạnh C và chị Phạm Thị P khoản tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Chị Đặng Thị T yêu cầu Tòa án chia đôi toàn bộ số tài sản và các khoản nợ chung đã kê khai.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện V – Bà Nguyễn Thị Thu T và bà Trần Thị N có các lời khai tại Tòa án như sau: Ngày 22/7/2019, ông Trần Văn T và bà Đặng Thị T có ký hợp đồng cho vay và nhận nợ số tiền 392.000.000 đồng. Mục đích thanh toán chi phí mua xe ô tô. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota BKS 14A-396.10. Kể từ khi vay đến tháng 11/2019, ông T và bà T luôn trả nợ đầy đủ. Tuy nhiên theo báo cáo trên hệ thống CTC của Ngân hàng Nhà nước, ông T đã có món vay 39.000.000 đồng tại Công ty tài chính Việt nam Thịnh Vượng. Món vay này đã chuyển nợ xấu dẫn đến món vay tại Ngân hàng Vietinbank cũng chuyển nợ xấu. Tuy nhiên, sau khi triệu tập nhiều lần nhưng chị Đặng Thị T không có mặt để giải quyết việc ly hôn và giải quyết yêu cầu phản tố nên đại diện Ngân hàng Vietinbank đề nghị không tham gia tố tụng và đề nghị giải quyết khoản nợ bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ điều kiện.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Bà Phạm Thị H và chị Trần Thị Thu N cùng thống nhất trình bày: Bà H và chị N không đồng ý với yêu cầu phản tố của chị Đặng Thị T về việc anh T và chị T có công sức xây dựng ngôi nhà cấp 4 trên mảnh đất của bà H tại khu C, thị trấn V trên diện tích 50m² với giá 100.000.000 đồng. Bà H và chị N thừa nhận anh T và chị T khi về chung sống tại nhà của bà H được 01 năm thì có xây dựng thêm một phòng ngủ khép kín có đầy đủ công trình vệ sinh khép kín. Trị giá là bao nhiêu thì bà H và chị N không biết. Chị N cho rằng thửa đất có ngôi nhà trên được mẹ chị là bà H tặng cho, nên có quyền phá bỏ và trước khi phá bỏ thì ngôi nhà không còn giá trị gì. Chị N còn trình bày: Chị cho chị T vay số tiền 160.000.000 đồng chia làm 02 lần vào các ngày 24/10/2011 và tháng 02/2012 và cho anh T vay 100.000.000 đồng vào ngày 08/5/2013, tổng cộng là 260.000.000. Anh chị T - T cũng đã trả dần đến thời điểm vợ chồng xin ly hôn, anh T còn nợ 90.000.000 đồng còn chị T nợ 37.500.000 đồng. Chị cho vay không có giấy tờ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã trả cho chị hết phần của anh là 90.000.000 đồng. Số tiền còn lại chị T nợ là 37.500.000 đồng, chị rút yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Anh Nguyễn Mạnh C và chị Phạm Thị P thống nhất trình bày: Ngày 10/9/2012, vợ chồng anh T và chị T vay nợ của vợ chồng anh 100.000.000 đồng, sau đó anh chị T-T đã trả được

5.000.000 đồng còn lại 95.000.000 đồng. Vợ chồng anh đã đòi nợ nhiều lần nhưng đến khi Tòa án giải quyết việc ly hôn thì anh T đã trả cho vợ chồng anh 50.000.000 đồng là phần của anh T. Số tiền còn lại chị T nợ là 45.000.000 đồng, anh chị rút yêu cầu đòi nợ trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến cho rằng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ. Giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định; Bị đơn là chị Đặng Thị T vắng mặt tại địa phương nhưng đã có lời khai tại Tòa án. Tòa án cũng triệu tập và tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn có cơ sở chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Đặng Thị T và giao con chung Trần Thiên V cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng đến khi thành niên; Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Do bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật, nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn; Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền khởi kiện trong vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: - Anh Trần Văn T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Đặng Thị T. Anh T và chị T có nơi cư trú tại khu C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Chị Đặng Thị T có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là chị Đặng Thị T có yêu cầu phản tố nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên bị coi là từ bỏ yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án và đình chỉ xét xử đối với yêu

cầu phản tố của chị Đặng Thị T theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Văn T kết hôn với chị Đặng Thị T vào năm 2008 có đăng ký hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện V, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi lẫn nhau và đã nhiều lần sống ly thân để cả hai cùng nhìn nhận lại với mong muốn hòa hợp, xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không còn khả năng quay lại chung sống bền vững.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ tại địa bàn anh chị T - T sinh sống thấy rằng: Anh Trần Văn T và chị Đặng Thị T trong thời gian chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau. Từ năm 2020, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị T đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Anh T ở lại nuôi con. Từ đó, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Anh chị không còn khả năng xây dựng gia đình hạnh phúc lâu dài, bền vững.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Đặng Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Trần Thiên V, sinh ngày 07/4/2009, hiện tại đang ở với anh T. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cả hai anh chị T và T đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại thời điểm mở phiên tòa, chị T vắng mặt không rõ địa chỉ nên Hội đồng xét xử giao con chung Trần Thiên V cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chính quyền địa phương cũng đã khẳng định anh T có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, anh Trần Văn T có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và các khoản nợ chung; Tuy nhiên, anh cũng đã tự nguyện giải quyết các khoản nợ giữa anh và các anh chị Nguyễn Mạnh C, Phạm Thị P, Trần Thị Thu N. Anh C, chị P, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ của chị T do chị T vắng mặt. Ngân hàng VietinBank chi nhánh V, bà Phạm Thị H không yêu cầu gì khác;

Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn - chị Đặng Thị T có yêu cầu phản tố về chia tài sản chung và các khoản nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị T vắng mặt không lý do và không có người đại diện tham gia. Tòa án đã triệu tập nhiều lần, tiến hành niêm yết các quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật. Như vậy việc vắng mặt của chị T được coi là từ bỏ yêu cầu phản tố; Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền khởi kiện trong vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật; Chị Đặng Thị T đã được triệu tập hợp lệ và niêm yết nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên sung công quỹ Nhà Nước số tiền tạm ứng án phí 18.133.500 đồng (mười tám triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0011033 ngày 17/12/2021 tại chi cục Thi hành án huyện V.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 171, Điều 173, điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Đặng Thị T.

[2] Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Trần Thiên V, sinh ngày 07/4/2009 đến khi thành niên; chị Đặng Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Đặng Thị T. Chị Đặng Thị T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Ngân hàng VietinBank chi nhánh V, bà Phạm Thị H, chị Trần Thị Thu N, anh

Nguyễn Mạnh C, chị Phạm Thị P được quyền khởi kiện trong vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011021 ngày 08 tháng 11 năm 2021 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện V; Sung công quỹ Nhà Nước số tiền tạm ứng án phí 18.133.500 đồng (mười tám triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0011033 ngày 17/12/2021 tại chi cục Thi hành án huyện V.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN
- VKSND huyện V
- THA dân sự huyện V
- Các đương sự
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Chính Nghĩa